

Án số: 23 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 /5 /2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Xây
2. Ông Đỗ Phụng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyền,
Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Bà Hoàng Thị
Lệ Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 / 05 /2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên
xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số:
128/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2020 giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn M, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ X (tổ B cũ), phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ X (tổ B cũ), phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa ông M trình bày:
Ông Dương Văn M kết hôn cùng bà Nguyễn Thị C vào năm 1991, có đăng ký
tại UBND phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Do
chuyển nơi ở nên vợ chồng đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Ông M đã về
nơi đăng ký kết hôn để xin cấp lại trích lục kết hôn nhưng UBND phường C
không cấp với lý do không còn lưu hồ sơ gốc, vì vậy không cung cấp cho tòa
được giấy chứng nhận kết hôn của hai vợ chồng.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất
đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, vợ chồng đã ly thân khoảng 5 năm nay

không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Nguyễn Thị C là vợ chồng để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Dương Văn M1, sinh ngày 22/9/1992 và Dương Văn Q, sinh ngày 21/01/2000, hiện nay các con chung đã trưởng thành ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông M năm 1991, có đăng ký tại UBND phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Do chuyển nơi ở nên vợ chồng đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, mắng chửi thậm chí có lúc xô xát, vợ chồng đã ly thân đã nhiều năm không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông M là vợ chồng để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung như ông M đã khai, anh Dương Văn M1, sinh ngày 22/9/1992 và Dương Văn Q, sinh ngày 21/01/2000, hiện nay con chung đã trưởng thành bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại UBND phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên về việc đăng ký kết hôn của ông Dương Văn M và bà Nguyễn Thị C: Sau khi kiểm tra sổ theo dõi đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên được biết hiện nay không còn lưu trữ vì vậy không cung cấp được thông tin cũng như cấp trích lục kết hôn cho ông Dương Văn M và bà Nguyễn Thị C.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS

- Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Dương Văn M và bà Nguyễn Thị C.

Về con chung: hiện nay các con chung đã thành niên nên các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết
Về án phí: ông M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là vụ án ly hôn, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Hai bên đương sự ông M và bà C có nơi cư trú tại thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ vào điểm a khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà C trình bày vợ chồng đăng ký kết hôn với nhau năm 1991, có đăng ký tại UBND phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, trong quá trình chung sống có chuyển nơi ở nên đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn vì vậy không cung cấp được chứng cứ cho Tòa. Qua xác minh tại UBND phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên về đăng ký kết hôn của ông M và bà C: Sau khi kiểm tra sổ theo dõi đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND phường C được biết hiện nay không còn lưu trữ vì vậy không cung cấp được thông tin cũng như cấp trích lục kết hôn cho ông M và bà C, nên không có cơ sở khẳng định ông M và bà C đã đăng ký kết hôn tại UBND phường C như các đương sự trình bày, vì vậy HĐXX căn cứ vào Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa X về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông M và bà C.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung như ông M đã khai, anh Dương Văn M1, sinh ngày 22/9/1992 và Dương Văn Q, sinh ngày 21/01/2000 đã trưởng thành, do đó HĐXX căn cứ vào Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: ông M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9,14, 15, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa X về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Dương Văn M và bà Nguyễn Thị C.
2. Về con chung: 02 con chung là Dương Văn M1, sinh ngày 22/9/1992 và Dương Văn Q, sinh ngày 21/01/2000 đã trưởng thành, Tòa án không giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: ông M và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Ông Dương Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002761 ngày 24/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.
5. Quyền kháng cáo: Báo cho ông M và bà C biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

NƠI NHẬN

- *VKSND TPTN;*
- *VKSND tỉnh TN*
- *TAND tỉnh TN*
- *Chi cục THATPTN*
- *UBND phường C, TPTN;*
- *Đ-ơng sự;*
- *L- u HS; BP.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

TRẦN THỊ THU HÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- Lưu HS.

Trần Thị Thu Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH;
(phường Cam Giá, TN);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Hồng Thái

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH;
(xã Hồng Tiến, Phở Yên, TN);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Hồng Thái

